TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EAKAR** TỈNH ĐẮK LẮK Bản án số: **29**/2023/DS-ST. Ngày: 13/6/2023. V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR – TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Nhã Phương.

- *Hội thẩm nhân dân*: Ông Lê Khắc Dũng và ông Nguyễn Đình Thanh

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 13/6/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 248/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2022. Về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2023/QĐST-DS ngày 25/5/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N. Trụ sở: Số 2 đường Láng Hạ, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đoàn Hữu M - Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngân hàng N – Chi nhánh E, tỉnh Đ. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn B sinh năm 1964, bà Võ Thị S sinh năm 1963. Nơi cư trú: Thôn 4, xã C, huyện E, tỉnh Đ. (Hiện nay là Thôn 2, xã C, huyện E, tỉnh Đ)(Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Nguyễn Tuấn L, sinh năm 1992. (Vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Võ S, sinh năm 1997. (Vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Thôn 04, xã C, huyện E, tỉnh Đ

+ Bà Nguyễn Thị Võ Anh P, sinh năm: 1982. Nơi cư trú: Vĩnh Hòa, Vĩnh T, Vĩnh Th, tỉnh B. (Vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Kỳ H, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn 02, xã C, huyện E, tỉnh Đă.(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình làm việc cũng như tại phên tòa, người đại diện của Ngân hàng N trình bày:*

Ngày 09/7/2021 ông Nguyễn B, bà Võ Thị S có vay Ngân hàng N – Chi nhánh E, tỉnh Đ (viết tắt là Ngân hàng) số tiền 450.000.000đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay 12%/năm, mục đích vay để mua máy đào Komatsu, theo hợp đồng tín dụng số 5223LAV202101225 ngày 09/07/2021.

Theo cam kết thì gia đình bà Võ Thị S phải thanh toán nợ vay như sau: Lần 1 ngày 09/07/2022 phải trả số tiền: 100.000.000 đồng gốc và lãi phát sinh; Lần 2 ngày 09/07/2023 phải trả số tiền: 150.000.000 đồng gốc và lãi phát sinh; Lần 3 ngày 09/07/2024 phải trả số tiền: 200.000.000 đồng gốc và lãi phát sinh

Theo cam kết trên thì nếu ông B, bà S vi phạm bất kỳ thời hạn trả lãi, gốc nào thì ngân háng sẽ tạm ngừng cho vay, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn (Điều 6 của hợp đồng tín dụng)

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông B bà S đã thế chấp quyền sử dụng đối với diện tích đất 20.000m^2 thửa đất số 187a, tờ bản đồ 13, địa chỉ tại thôn 2, xã C, huyện E, tỉnh Đ đã được Uỷ ban nhân dân huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U-098884 cho hộ ông Nguyễn B ngày 20/12/2001 theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 4404/HĐTC ngày 09/07/2021.

Tính đến nay ông B bà S chưa trả được cho Ngân hàng khoản tiền gốc, lãi nào là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó Ngân hàng yêu cầu buộc ông Nguyễn B, bà Võ Thị S phải trả nợ gốc 450.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh tính đến ngày 13/6/2023 là 107.326.027đồng (lãi trong hạn là 101.786.301đ và lãi quá hạn 5.539.726đ).

Kể từ ngày 14/6/2023, ông B bà S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền gốc chưa thanh toán với mức lãi suất thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số: 5223 LAV 202101225 ngày 09/7/2021 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Nếu ông B, bà S không thực hiện hoặc thực hiện việc trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 4404/HĐTC ngày 09/7/2021 là quyền sử dụng đối với diện tích đất 20.000m^2 thửa đất số 187a, tờ bản đồ 13 địa chỉ tại thôn 2, xã C,

huyện E, tỉnh Đ đã được Uỷ ban nhân dân huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U-098884 cho hộ ông Nguyễn B ngày 20/12/2001 hoặc tài sản khác của ông B, bà S nếu tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ.

**** Tại bản tự khai, quá trình làm việc, tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn B, bà Võ Thị S trình bày:***

Ông B, bà S đồng ý và thừa nhận nội dung vay tín dụng đúng như đại diện của Ngân hàng trình bày, ngày 09/7/2021 vợ chồng ông B có vay Ngân hàng số tiền 450.000.000đồng, lãi suất cho vay 12%/năm, mục đích vay để mua máy đào Komatsu theo hợp đồng tín dụng số 5223LAV202101225 ngày 09/07/2021.

Ông B bà S có thế chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 20.000m^2 thửa đất số 187a, tờ bản đồ 13 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U-098884 cho hộ ông Nguyễn B theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 4404/HĐTC ngày 09/07/2021.

Do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông B bà S chưa trả cho Ngân hàng khoản tiền nào dẫn đến Ngân hàng làm đơn khởi kiện. Nay ông B bà S chấp nhận trả nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên do kinh tế gia đình khó khăn nên xin được trả dần.

*Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng của Toà án cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn L, ông Nguyễn Võ S, bà Nguyễn Thị Võ Anh P, ông Nguyễn Kỳ H nhưng các đương sự không đến Toà án làm việc, không cung cấp ý kiến trình bày để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

*** Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự. Các đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 144, 147, 217, 235, 244, 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, 280, 295, 298. 299, 318, 319, 320, 322, 323, 463, 466 và 468 BLDS 2015.

- Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Quy chế cho vay của cá tổ chức tín dụng; Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2022 về sửa đổi một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Nguyễn B, bà Võ Thị S phải trả nợ gốc 450.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh tính đến ngày 13/6/2023 là 107.326.027đồng (lãi trong hạn là 101.786.301đ và lãi quá hạn 5.539.726đ) cũng như lãi suất phát sinh cho đến ngày trả hết nợ.

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng N khởi kiện ông Nguyễn B, bà Võ Thị S về tranh chấp hợp đồng tín dụng là hợp đồng dân sự, tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn ông B, bà S có nơi cư trú tại huyện E, tỉnh Đ và nơi các bên giao kết hợp đồng tại huyện E. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Toà án đã tiến hành tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tuấn L, ông Nguyễn Võ S, bà Nguyễn Thị Võ Anh P, ông Nguyễn Kỳ H nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 227 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tuấn L, ông Nguyễn Võ S, bà Nguyễn Thị Võ Anh P, ông Nguyễn Kỳ H.

[2]Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Xét hợp đồng tín dụng số 5223LAV202101225 ngày 09/07/2021 giữa Ngân hàng N – Chi nhánh E, tỉnh Đ với ông Nguyễn B, bà Võ Thị S, HĐXX xét thấy các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc ký hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng Ngân hàng nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Ông B bà S đã nhận đủ tiền nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo cam kết đã thoả thuận. Bị đơn không thực hiện đầy đủ, không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi theo đúng kỳ hạn là vi phạm thỏa thuận tại Điều 6

của hợp đồng tín dụng (vi phạm bất kỳ thời hạn trả lãi, gốc nào thì ngân háng sẽ tạm ngừng cho vay, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn).

Yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 91, 92, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 280, 466 Bộ luật dân sự. HĐXX xét thấy cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền đã vay là có căn cứ.

2.2. Về lãi suất: Căn cứ thoả thuận lãi suất tại hợp đồng tín dụng số 5223LAV202101225 ngày 09/07/2021 thì mức lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận là 12%/năm là phù hợp số tiền lãi suất mà Ngân hàng yêu cầu là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi suất mà ông B, bà S phải trả cho Ngân hàng là 557.326.027đồng, bao gồm nợ gốc 450.000.000đồng, nợ lãi là 107.326.027đồng tạm tính đến ngày 13/6/2023

2.3. Xét hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay, ông B bà S đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 4404/HĐTC ngày 09/07/2021 đối với quyền sử dụng đất với diện tích đất 20.000m^2 thửa đất số 187a, tờ bản đồ 13 địa chỉ tại thôn 2, xã C, huyện E, tỉnh Đ đã được Uỷ ban nhân dân huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U-098884 cho hộ ông Nguyễn B ngày 20/12/2001.

Hợp đồng thế chấp được xác lập đúng theo quy định pháp luật. Các thành viên trong hộ gia đình gồm ông Nguyễn Tuấn L, ông Nguyễn Võ S, bà Nguyễn Thị Võ Anh P, ông Nguyễn Kỳ H đã có giấy uỷ quyền cho ông B bà S đê vay vốn, đảm bảo cho bên thứ ba vay vốn, được toàn quyền xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ theo quy định. Do đó trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của luật thi hành án để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 299 BLDS.

Trường hợp bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng phải trả lại cho bị đơn QSDĐ đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Quá trình giải quyết vụ án, chi phí hợp lý cho việc xem xét thẩm định tại chỗ là 1.600.000 đồng (đã chi xong), nguyên đơn Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng trên. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng này. Buộc ông Nguyễn B, bà Võ Thị S phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền 1.600.000 đồng chi phí tố tụng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Nguyễn B, bà Võ Thị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 26.293.041đồng

- Hoàn trả cho Ngân hàng N 12.318.356đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (Nguyễn Văn H nộp) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2021/0020316 ngày 28/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đ.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 144, 147, 217, 235, 244, 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, 280, 295, 298. 299, 318, 319, 320, 322, 323, 463, 466 và 468 BLDS 2015.

- Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Quy chế cho vay của cá tổ chức tín dụng; Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2022 về sửa đổi một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]Tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N

- Buộc ông Nguyễn B, bà Võ Thị S phải trả cho Ngân hàng N số tiền 557.326.027đồng, bao gồm nợ gốc 450.000.000đồng, nợ lãi là 107.326.027đồng tạm tính đến ngày 13/6/2023.

Từ ngày 14/6/2023 ông Nguyễn B, bà Võ Thị S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số còn phải thi hành án với mức lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 5223LAV202101225 ngày 09/07/2021cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Sau khi ông Nguyễn B, bà Võ Thị S thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông B, bà S các tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 4404/HĐTC ngày 09/07/2021 là Giấy chứng nhận

QSDĐ số U-098884 do UBND huyện E cấp cho hộ ông Nguyễn B ngày 20/12/2001 đối với diện tích đất 20.000m^2 thửa đất số 187a, tờ bản đồ 13 địa chỉ tại thôn 2, xã C, huyện E, tỉnh Đ.

- Trường hợp ông Nguyễn B, bà Võ Thị S không trả được nợ hoặc trả không đủ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cầu kê biên, phát mãi xử lý các tài sản thế chấp là diện tích đất 20.000m^2 thửa đất số 187a, tờ bản đồ 13 địa chỉ tại thôn 2, xã C, huyện E, tỉnh Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U-098884 theo Hợp đồng thế chấp 4404/HĐTC ngày 09/07/2021 để thu hồi nợ.

[2] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Buộc ông Nguyễn B, bà Võ Thị S phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền 1.600.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định.

[3] Về án phí:

- Ông Nguyễn B, bà Võ Thị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 26.293.041đồng

- Hoàn trả cho Ngân hàng N 12.318.356đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (Nguyễn Văn H) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0020316 ngày 28/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đ.

[4]. Quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự."

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
- TAND tỉnh Đ
- VKSND tỉnh Đă;
- VKSND huyên E;
- Chi cục THADS huyên E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Nhã Phương